

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI QUẢNG TRỊ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản Lý Khai Thác Công Trình Thủy Lợi Quảng Trị công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty TNHH MTV Quản Lý Khai Thác Công Trình Thủy Lợi Quảng Trị (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp 100 % vốn nhà nước. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200198514 ngày 20/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 31/05/2017.

Vốn điều lệ: 991.911.000.000 đồng.

Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2017: 1.014.023.699.644 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Khu phố 9, Phường Đông Lễ, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
- Điện thoại: +84 (233) 3580 269
- Fax: +84 (233) 3580 266
- Email: ctyktcttlqt@gmail.com

Lĩnh vực kinh doanh chính: Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tưới, tiêu nước phục vụ nông nghiệp.

Đơn vị trực thuộc: Công ty có 05 đơn vị trực thuộc.

- Xí nghiệp Tư Vấn Đầu tư và Xây dựng
Địa chỉ: Khu phố 9, Phường Đông Lễ, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
- Xí nghiệp Cấp nước Công nghiệp và Dịch vụ Tổng hợp
Địa chỉ: Khu phố 9, Phường Đông Lễ, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
- Xí nghiệp Thủy nông Nam Thạch Hãn
Địa chỉ: 198 Hai Bà Trưng, Phường 2, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị
- Xí nghiệp Thủy nông Vĩnh Linh
Địa chỉ: Khóm chợ huyện, Thị trấn Hồ Xã, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị
- Xí nghiệp Thủy nông Gio Cam Hà
Địa chỉ: Khu phố 5, Phường 3, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây dựng, Xí nghiệp Cấp nước Công nghiệp và Dịch vụ Tổng hợp hạch toán độc lập, 03 xí nghiệp còn lại hạch toán phụ thuộc.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CHỦ TỊCH CÔNG TY, KIỂM SOÁT VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Chủ tịch Công ty, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên

- | | | |
|------------------------|----------------|--|
| • Ông Lê Văn Trường | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 28/03/2018 |
| • Ông Nguyễn Duy Thông | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 29/08/2013
Miễn nhiệm ngày 31/01/2018 |
| • Ông Ngô Công Xinh | Kiểm soát viên | Bổ nhiệm ngày 25/01/2017 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|------------------------|-------------------|--|
| • Ông Nguyễn Duy Thông | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 29/08/2013
Miễn nhiệm ngày 31/01/2018 |
| • Ông Lê Văn Trường | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 29/8/2013
Miễn nhiệm ngày 28/03/2018 |
| • Ông Nguyễn Sinh Công | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25/12/2015 |
| • Bà Hoàng Thị Lại | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 12/01/2017 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Trường, Chức vụ chủ tịch Hội đồng thành viên, bổ nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2018.

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam (Trụ sở chính: số 36 Phạm Hồng Thái, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk; trụ sở tại Thành phố Đà Nẵng: Số 176/28 Lý Tự Trọng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (+84) 0236.3691789; Fax: (+84) 0236.3691188; Website: avnaudit.com.vn).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Hội đồng thành viên phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Lê Văn Trường
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Quảng Trị, ngày 09 tháng 04 năm 2018





Số: 69/2018/BCKT-TC-AVN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch Công ty, Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Quản lý Khai Thác Công Trình Thủy Lợi Quảng Trị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai Thác Công Trình Thủy Lợi Quảng Trị, được lập ngày 09/04/2018, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính Công ty cung cấp cho chúng tôi chưa tổng hợp số liệu trên báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Xí nghiệp Tư Vấn Đầu Tư và Xây Dựng, Xí nghiệp Cấp nước Công nghiệp và Dịch vụ Tổng hợp, là hai chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của các xí nghiệp nêu trên. Việc Công ty không tổng hợp số liệu trên báo cáo tài chính của các Xí nghiệp này dẫn đến báo cáo tài chính đính kèm là báo cáo tài chính chưa đầy đủ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản Lý Khai Thác Công Trình Thủy Lợi tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam



Trần Hà Diễm Phương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1446-2018-231-1

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Thị Bình

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3387-2015-231-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.349.173.432	31.553.821.523
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.882.223.124	18.396.585.752
1. Tiền	111	5	3.796.853.824	3.396.585.752
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	4.085.369.300	15.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.464.100.000	7.553.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	5.464.100.000	7.553.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.226.499.525	4.759.566.580
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	3.288.585.000	2.183.268.010
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	1.381.141.507	564.486.007
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	10	1.781.685.166	1.708.259.166
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	11	775.087.852	303.553.397
IV. Hàng tồn kho	140		628.026.014	663.581.729
1. Hàng tồn kho	141	12	628.026.014	663.581.729
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		148.324.769	181.087.462
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	148.324.769	181.087.462
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		997.676.398.937	987.760.310.709
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		993.069.055.897	985.824.736.126
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	993.069.055.897	985.824.736.126
- Nguyên giá	222		1.193.238.568.060	1.186.077.494.336
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(200.169.512.163)	(200.252.758.210)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.787.288.400	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.787.288.400	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.820.054.640	1.935.574.583
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1.820.054.640	1.935.574.583
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.019.025.572.369	1.019.314.132.232

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.255.335.771	14.385.928.949
I. Nợ ngắn hạn	310		5.232.585.771	3.480.928.949
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.512.211.730	2.204.592.563
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	29.159.100	44.734.825
3. Phải trả người lao động	314		238.100.000	182.000.000
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	63.000.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19a	1.226.272.383	63.033.944
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.163.842.558	986.567.617
II. Nợ dài hạn	330		22.750.000	10.905.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19b	-	10.905.000.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		22.750.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.013.770.236.598	1.004.928.203.283
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.014.381.825.962	1.004.025.121.432
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	1.014.023.699.644	1.002.832.520.644
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.014.023.699.644	1.002.832.520.644
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	269.100.318	269.100.318
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	-	923.500.470
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	758.836.088
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	164.664.382
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	20	89.026.000	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(611.589.364)	903.081.851
1. Nguồn kinh phí	431		(611.589.364)	903.081.851
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.019.025.572.369	1.019.314.132.232

Hoàng Thị Lại
Người lập biểu

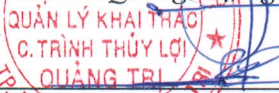
Hoàng Thị Lại
Kế toán trưởng




Lê Văn Trường

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Quảng Trị, ngày 09 tháng 04 năm 2018



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	31.815.459.635	33.038.674.338
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		31.815.459.635	33.038.674.338
4. Giá vốn hàng bán	11	22	21.028.155.760	21.604.873.243
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		10.787.303.875	11.433.801.095
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.136.920.768	542.988.487
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	11.926.951.906	11.758.459.104
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.727.263)	218.330.478
11. Thu nhập khác	31	25	8.181.819	7.272.728
12. Chi phí khác	32	26	5.454.556	7.272.728
13. Lợi nhuận khác	40		2.727.263	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27	-	218.330.478
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	43.666.096
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		-	174.664.382

Hoàng Thị Lại
Người lập biểu

Hoàng Thị Lại
Kế toán trưởng

Lê Văn Trường

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Quảng Trị, ngày 09 tháng 04 năm 2018



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	35.556.478.010	34.109.384.257
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(10.468.664.308)	(12.095.212.821)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.080.064.547)	(20.092.356.065)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(88.772.497)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.087.851.942	24.244.305.638
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10.648.010.356)	(22.574.159.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.552.409.259)	3.503.189.252
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(10.141.146.400)	(3.909.740.398)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	2.727.263	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.826.100.000)	(17.772.064.062)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	17.915.000.000	10.847.064.062
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.087.565.768	485.544.409
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.961.953.369)	(10.349.195.989)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	20.301.616.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	20.301.616.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10.514.362.628)	13.455.609.263
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.396.585.752	4.940.976.489
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.882.223.124	18.396.585.752

Hoàng Thị Lại
Người lập biểu

Hoàng Thị Lại
Kế toán trưởng

Lê Văn Trường

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Quảng Trị, ngày 09 tháng 04 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***1. Đặc điểm hoạt động****1.1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty TNHH MTV Quản Lý Khai Thác Công Trình Thủy Lợi Quảng Trị (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp nhà nước.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Bán buôn vật liệu và lắp đặt trong xây dựng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Nuôi trồng thủy sản.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các Công ty con:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hạch toán
XN Tư vấn Đầu tư và Xây dựng	Khu phố 9, Phường Đông Lễ, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	Độc lập
XN Cấp nước Công nghiệp và Dịch vụ Tổng hợp	Khu phố 9, Phường Đông Lễ, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	Độc lập
XN Thủy nông Nam Thạch Hãn	198 Hai Bà Trưng, Phường 2, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị	Phụ thuộc
XN Thủy nông Vĩnh Linh	Khóm Chợ huyện, Thị trấn Hồ Xả, Huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị	Phụ thuộc
XN Thủy nông Gio Cam Hà	Khu phố 5, Phường 3, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	Phụ thuộc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

theo giá trị có thể thu hồi. Số tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cụ thể, khi có bằng chứng cho thấy có thể không thu hồi được khoản đầu tư này thì xử lý như sau:

- Nếu giá trị tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì phần chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi nhỏ hơn giá trị ghi sổ khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính;
- Nếu giá trị tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì thuyết minh rõ trên báo cáo tài chính về khả năng thu hồi và không ghi giảm khoản đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu nội bộ:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu nội bộ là các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 45
Máy móc, thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	– 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8
Kết cấu hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách	Không tính khấu hao

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Chi phí lãi vay phải trả: được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Các khoản chi phí phải trả khác: chi phí phải trả được xác định dựa vào các hợp đồng ký kết trên cơ sở thực tế chi phí đã phát sinh nhưng chưa có hóa đơn tài chính.

4.11 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được Nhà nước cấp vốn.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.12 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

4.13 *Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác*

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
 - ✓ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
 - ✓ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
 - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
 - ✓ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
 - ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
 - ✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp

Các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, máy thi công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ:
 - ✓ Đối với hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp không chịu thuế GTGT;
 - ✓ Các hoạt động khác: Áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp
 - ✓ Thu nhập từ dịch vụ tưới, tiêu nước là thu nhập được miễn thuế.
 - ✓ Thu nhập từ các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 20%
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	441.366.216	563.385.801
Tiền gửi ngân hàng	3.355.487.608	2.833.199.951
Cộng	3.796.853.824	3.396.585.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***6. Các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	15.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.085.369.300	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.000.000.000	-
Cộng	4.085.369.300	15.000.000.000

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Trị	5.075.000.000	5.075.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Trị	353.100.000	353.100.000	289.000.000	289.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Quảng Trị	36.000.000	36.000.000	1.204.000.000	1.204.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Trị	-	-	60.000.000	60.000.000
Cộng	5.464.100.000	5.464.100.000	7.553.000.000	7.553.000.000

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Phải thu Ngân sách tỉnh Quảng Trị	3.209.217.000	2.019.171.000
Phải thu ngắn hạn khác	79.368.000	164.097.010
Cộng	3.288.585.000	2.183.268.010

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Xí nghiệp Tư Vấn và Đầu tư Xây dựng Công ty Cổ phần Thành An	190.860.000	529.504.500
Các đối tượng khác	538.000.000	-
	652.281.507	34.981.507
Cộng	1.381.141.507	564.486.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***10. Phải thu nội bộ ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Xí nghiệp Tư vấn và Đầu tư Xây dựng	1.781.685.166	1.708.259.166
Cộng	1.781.685.166	1.708.259.166

11. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bảo hiểm xã hội Quảng Trị	-	-	172.487.720	-
Tạm ứng	312.406.121	-	55.593.121	-
Kinh phí công đoàn	-	-	10.665.000	-
Phải thu khác	462.681.731	-	64.807.556	-
+ Các cụm tổ phục vụ sản xuất	380.000.000	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	82.681.731	-	64.807.556	-
Cộng	775.087.852	-	303.553.397	-

12. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	606.781.214	-	609.193.202	-
Công cụ, dụng cụ	21.244.800	-	54.388.527	-
Cộng	628.026.014	-	663.581.729	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2017.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Các công trình thủy lợi	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	27.577.587.493	19.240.889.402	5.572.744.243	66.280.000	1.133.619.993.198	1.186.077.494.336
Mua sắm trong năm	-	955.208.970	-	-	-	955.208.970
XDCB hoàn thành	4.944.402.147	-	2.965.364.883	-	9.402.203.000	17.311.970.030
T/lý, nhượng bán	(682.456.011)	-	-	-	-	(682.456.011)
Giảm khác	-	(10.423.649.265)	-	-	-	(10.423.649.265)
Số cuối năm	31.839.533.629	9.772.449.107	8.538.109.126	66.280.000	1.143.022.196.198	1.193.238.568.060
Khấu hao						
Số đầu năm	7.922.704.945	2.435.337.446	2.525.885.556	63.860.130	187.304.970.133	200.252.758.210
Khấu hao trong năm	594.441.149	233.355.263	359.603.588	-	-	1.187.400.000
T/lý, nhượng bán	(682.456.011)	-	-	-	-	(682.456.011)
Giảm khác	-	(588.190.036)	-	-	-	(588.190.036)
Số cuối năm	7.834.690.083	2.080.502.673	2.885.489.144	63.860.130	187.304.970.133	200.169.512.163
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	19.654.882.548	16.805.551.956	3.046.858.687	2.419.870	946.315.023.065	985.824.736.126
Số cuối năm	24.004.843.546	7.691.946.434	5.652.619.982	2.419.870	955.717.226.065	993.069.055.897

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 5.211.691.433 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2017 là 0 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ không phải khấu hao tại ngày 31/12/2017 là 455.252.129.819 đồng.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
Xây dựng cơ bản	2.787.288.400	-
- Công trình nhà văn phòng XN Nam Thạch Hãn	2.298.567.000	-
- Công trình tràn xả lũ Nam Thạch Hãn	79.722.000	-
- Công trình nâng cấp trạm bơm Tân Mỹ	406.684.400	-
- Công trình Nâng cấp hồ Triệu Thượng	2.315.000	-
Cộng	2.787.288.400	-

15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.820.054.640	1.935.574.583
Cộng	1.820.054.640	1.935.574.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Xây dựng Thuận Lộc	78.954.000	-
Phòng Đầu tư STC	66.214.000	66.214.000
Công ty TNHH Xây dựng số 10	45.000.000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Công nghiệp Quảng Trị	-	430.000.000
Công ty Cổ phần Vinabico	19.000.000	261.535.000
Công ty TNHH Đồng Tiền I	43.800.000	240.570.000
Công ty TNHH Xây dựng Thành An	35.700.000	76.768.000
Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn	-	60.000.000
Công ty TNHH MTV Mạnh Quỳnh	26.000.000	49.000.000
Các đối tượng khác	1.197.543.730	1.020.505.563
Cộng	1.512.211.730	2.204.592.563

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	116.258.962	-	52.514.256	20.227.753	83.972.459	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.828.500	-	476.190	-	64.352.310	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	44.734.825	29.159.100	44.734.825	-	29.159.100
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	332.674	332.674	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	181.087.462	44.734.825	88.482.220	71.295.252	148.324.769	29.159.100

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí đào tạo, thi nâng bậc lương	63.000.000	-
Cộng	63.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***19. Phải trả khác****a. Ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Kho bạc tính Quảng Trị	1.089.612.400	-
Trạm bơm Tân Mỹ	80.000.000	-
Nguyễn Duy Thông	-	19.264.000
Lê Văn Trường	-	18.483.000
Nguyễn Sinh Công	-	18.483.000
Các khoản phải trả khác	56.659.983	6.803.944
Cộng	1.226.272.383	63.033.944

b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công đoàn	-	4.905.000.000
Lê Hoàng Nguyên	-	1.500.000.000
Lê Văn Phúc	-	2.000.000.000
Hoàng Tiến Thành	-	1.000.000.000
Lê Xuân Tiến	-	500.000.000
Nguyễn Thanh Đồng	-	1.000.000.000
Cộng	-	10.905.000.000

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số dư tại 01/01/2016	975.832.520.644	269.100.318	758.836.088	6.698.384.000	983.558.841.050
Tăng trong năm	27.000.000.000	-	174.664.382	301.616.000	27.476.280.382
Giảm trong năm	-	-	(10.000.000)	(7.000.000.000)	(7.010.000.000)
Số dư tại 31/12/2016	1.002.832.520.644	269.100.318	923.500.470	-	1.004.025.121.432
Số dư tại 01/01/2017	1.002.832.520.644	269.100.318	923.500.470	-	1.004.025.121.432
Tăng trong năm	11.191.179.000	-	-	89.026.000	11.280.205.000
Giảm trong năm	-	-	(923.500.470)	-	(923.500.470)
Số dư tại 31/12/2017	1.014.023.699.644	269.100.318	-	89.026.000	1.014.381.825.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
UBND Tỉnh Quảng Trị	1.014.023.699.644	1.002.832.520.644
Cộng	1.014.023.699.644	1.002.832.520.644

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.002.832.520.644	975.832.520.644
- Vốn góp tăng trong năm	11.191.179.000	27.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	1.014.023.699.644	1.002.832.520.644
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	923.500.470	758.836.088
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	-	174.664.382
Phân phối lợi nhuận	923.500.470	10.000.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	923.500.470	10.000.000
- Chuyển giao phân lợi nhuận cho XN cấp nước CN và DV	164.664.382	-
Tổng hợp - Dự án Quán Ngang		
- Trích quỹ khoa học và công nghệ	22.750.000	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	712.699.941	10.000.000
- Trích quỹ khen thưởng quản lý	22.894.000	-
- Các khoản khác	492.147	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	923.500.470

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thủy lợi phí	31.500.936.000	31.698.067.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	314.523.635	318.707.271
Doanh thu dự án cấp nước Quán Ngang	-	1.021.900.067
Cộng	31.815.459.635	33.038.674.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***22. Giá vốn**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ thủy nông	21.028.155.760	20.955.085.143
Giá vốn Dự án cấp nước Quán Ngang	-	649.788.100
Cộng	21.028.155.760	21.604.873.243

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.136.920.768	485.544.409
Lãi từ đầu tư vốn	-	46.969.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	10.475.078
Cộng	1.136.920.768	542.988.487

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	648.601.330	564.570.487
Chi phí nhân viên quản lý	6.544.828.643	6.431.200.559
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	426.081.714	600.249.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	505.253.842	428.956.995
Chi phí khác bằng tiền	790.388.377	977.904.273
Chi phí khác	3.011.798.000	2.755.577.000
Cộng	11.926.951.906	11.758.459.104

25. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu bán hồ sơ mời thầu	5.454.556	7.272.728
Các khoản khác	2.727.263	-
Cộng	8.181.819	7.272.728

26. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thực hiện đấu thầu	5.454.556	7.272.728
Cộng	5.454.556	7.272.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	218.330.478
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	218.330.478
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính	-	-
- Thu nhập từ hoạt động khác	-	218.330.478
Thuế TNDN hiện hành	-	43.666.096
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính	-	-
- Thu nhập từ hoạt động khác	-	43.666.096
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính	-	-
- Thu nhập từ hoạt động khác	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	43.666.096
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	43.666.096

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.367.911.382	2.914.263.799
Chi phí nhân công	24.092.356.065	23.665.978.212
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.133.000.000	1.533.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	790.388.377	1.822.540.442
Chi phí khác bằng tiền	559.653.842	671.972.894
Chi phí khác	3.011.798.000	2.755.577.000
Cộng	32.955.107.666	33.363.332.347

29. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính.

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam.

Hoàng Thị Lại

Người lập biểu

Hoàng Thị Lại

Kế toán trưởng

Lê Văn Trường

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Quảng Trị, ngày 09 tháng 04 năm 2018

